



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	11 - 12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	13 - 14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	15 - 63

**ĐOÀN
KHÍ
NAM**

**D
V
/**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của PVN và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc PVN đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Trần Sỹ Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Thành viên
Ông Phạm Xuân Cảnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 1 năm 2019)
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2019)
Ông Lê Xuân Huyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019)
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2020)

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc PVN cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc PVN xác nhận rằng PVN đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

250
GT
HH
HT
N/
1-1

Số: 0081 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày tháng năm 2020, từ trang 07 đến trang 63 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc PVN

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc PVN cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại các Thuyết minh số 1, số 8, số 13 và số 21 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án và khoản đầu tư vào các công ty con được bàn giao từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - SBIC) với giá trị tương ứng là 695.348 triệu VND và 0 VND theo giá trị tại thời điểm bàn giao ngày 01 tháng 7 năm 2010 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 695.348 triệu VND và 0 VND); đồng thời ghi nhận phải trả SBIC với số tiền tương ứng trên tài khoản phải trả ngắn hạn khác. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn chưa đổi trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC liên quan đến việc bàn giao các dự án/công ty trên là 720.297 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 720.297 triệu VND) và phản ánh trên khoản mục phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn chưa nhận được quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản nhận bàn giao từ SBIC cũng như số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho SBIC. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề nói trên, theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hay không.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank - Công ty con của PVN) với tổng tài sản 164.195.791 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 140.545.389 triệu VND), nợ phải trả 153.769.934 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 130.328.437 triệu VND), doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 10.129.138 triệu VND (2018: 8.269.177 triệu VND), tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 211.472 triệu VND (2018: 88.023 triệu VND). Chúng tôi đã đưa ra ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng của thông tin tài chính của PVcomBank đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm trước. Chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng của thông tin tài chính của PVcomBank đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm nay do chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến thông tin tài chính của PVcomBank cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 1, số 16 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP - Công ty con của PVN) đang ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Petromacareo ("Petromacareo") theo giá gốc với số tiền là 1.583.176 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.583.176 triệu VND) và khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai để được tham gia đầu tư khai thác tại lô Junin 2 (Venezuela) với tổng giá trị còn lại chưa phân bổ là 5.960.476 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.335.976 triệu VND). PVEP đã thực hiện trước lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 418.780 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 418.780 triệu VND) trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Petromacareo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Chúng tôi không thể đánh giá dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập và khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cũng như thời gian phân bổ của các khoản phí tham gia nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 14 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVEP đang ghi nhận trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn các chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.313.476 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.334.143 triệu VND) và chi phí mua cổ phần công ty Perenco Peru Ltd. (PPL) để tham gia dự án Lô 67 Peru chưa phân bổ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.713.334 triệu VND). Tại ngày lập báo cáo này, PVEP vẫn đang trong quá trình đánh giá kỹ thuật và hiệu quả kinh tế cho giai đoạn tái khởi động khai thác, xác định rõ lộ trình và kế hoạch triển khai đối với Lô 67 Peru trong giai đoạn tiếp theo. Quyết định triển khai công việc khai thác tiếp theo phụ thuộc vào dự báo chi phí khai thác, giá dầu dài hạn, kết quả làm việc với nhà điều hành và các yếu tố khác trong tương lai. Chúng tôi không thể đánh giá khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai và thời gian phân bổ của các khoản chi phí trả trước dài hạn này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

5. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPoly - Công ty con của PVN), Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS - Công ty con của PVN) và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - Công ty con của PVN) với tổng tài sản là 20.343.319 triệu VND (31 tháng 12 năm 2018: 21.780.270 triệu VND) và tổng lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp là 930.231 triệu VND (năm 2018: 1.208.998 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các công ty này có tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn, lỗ lũy kế và các khoản vay và nợ đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của các công ty nêu trên. Dựa vào các thông tin hiện tại, chúng tôi chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho các giả định hoạt động liên tục của các công ty này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý của việc sử dụng giả định hoạt động liên tục của các báo cáo tài chính của các công ty này cũng như các điều chỉnh số liệu có thể có liên quan đến vấn đề này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 3 và số 21 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận chủ trương giao cho PVN tiếp nhận và duy trì hoạt động dầu khí của Lô 01/97&02/97 và Lô 01/17&02/17 do các Hợp đồng dầu khí cũ đã hết hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong thời gian chờ chuyển giao cho đơn vị tiếp nhận, PVN thực hiện ứng vốn đồng thời ủy quyền cho PVEP tạm thời điều hành hoạt động dầu khí tại các Lô này. Chi phí trong giai đoạn chuyển giao này sau đó sẽ được đơn vị tiếp nhận hoàn trả cho PVN. Theo đó, các khoản ứng vốn được theo dõi lũy kế trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác; đồng thời, toàn bộ các khoản thu và chi liên quan đến hoạt động dầu khí tại các Lô dầu khí này được phản ánh trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác. Tại ngày lập báo cáo này, PVN đang làm việc với các cấp có thẩm quyền phê duyệt Cơ chế điều hành các Lô dầu khí nói trên.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 và số 36 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn có một số khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến hoạt động dầu khí trong và ngoài nước tại PVEP, các nghĩa vụ bảo lãnh khoản vay tại PVC và các vấn đề liên quan đến kết luận của Thanh tra Chính phủ về đầu tư một số dự án có vốn góp của các công ty con của Tập đoàn.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 3, số 8, số 21 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Đề án tổng thể xử lý nguồn thực hiện Nghĩa vụ ưu đãi tương đương thuế nhập khẩu và ảnh hưởng thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng ("Đề án tổng thể"), nghĩa vụ ưu đãi tương đương thuế nhập khẩu và ảnh hưởng thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng trong giá mua sản phẩm bao tiêu phát sinh từ ngày 14 tháng 11 năm 2018 (ngày vận hành thương mại của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được ghi nhận vào khoản mục Phải thu ngắn hạn khác, bên cạnh đó, khoản tiền tương đương thuế nhập khẩu và ảnh hưởng thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng trong giá bán xăng phát sinh trong giai đoạn này được hạch toán vào khoản mục Phải trả ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày lập báo cáo này, PVN đang làm việc với các cấp có thẩm quyền và Đề án tổng thể đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 07 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		391.436.612	342.084.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	67.365.483	63.963.637
1. Tiền	111		34.216.601	25.998.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.148.882	37.964.987
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	172.766.889	145.248.949
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.754.107	3.764.058
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(48.756)	(119.355)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		165.061.538	141.604.246
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.896.798	96.382.859
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	40.798.455	38.429.340
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.976.468	4.207.856
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		186.202	347.970
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	30.653.247	24.610.525
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	49.771.905	34.286.764
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.525.428)	(5.537.146)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.949	37.550
IV. Hàng tồn kho	140	10	22.142.350	23.802.348
1. Hàng tồn kho	141		22.677.950	24.730.112
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(535.600)	(927.764)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.265.092	12.686.848
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		883.541	968.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.888.366	2.175.778
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	221.453	2.758.474
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	17	6.271.732	6.783.902

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		468.226.228	482.718.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		69.111.518	62.064.157
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		112.534	123.069
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		708.327	610.949
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	54.355.842	51.214.878
4. Phải thu dài hạn khác	216	8	13.992.501	10.173.299
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(57.686)	(58.038)
II. Tài sản cố định	220		127.905.558	137.516.670
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	123.512.454	132.979.279
- Nguyên giá	222		263.762.256	261.761.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.249.802)	(128.781.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		53.065	95.091
- Nguyên giá	225		98.575	167.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(45.510)	(72.639)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.340.039	4.442.300
- Nguyên giá	228		6.313.172	6.183.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.973.133)	(1.741.522)
III. Bất động sản đầu tư	230		746.214	758.396
- Nguyên giá	231		955.156	942.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(208.942)	(183.708)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		87.355.276	79.816.447
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.797	71.378
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	87.352.479	79.745.069
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.631.158	41.740.294
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	9.434.830	15.089.001
2. Góp vốn liên doanh	252	5	23.748.255	22.375.914
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	1.331.002	1.543.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(793.348)	(851.761)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	6.910.419	3.583.650
VI. Tài sản dài hạn khác	260		142.476.504	160.822.433
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	77.959.986	85.201.493
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	855.412	736.181
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		796.386	783.568
4. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí		15	40.505.257	41.548.921
5. Chi phí phát triển mỏ		16	7.570.810	16.065.896
6. Tài sản dài hạn khác	268	17	13.699.476	15.257.673
7. Lợi thế thương mại	269		1.089.177	1.228.701
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		859.662.840	824.803.038

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		380.169.253	363.005.357
I. Nợ ngắn hạn	310		229.172.679	212.797.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	29.114.871	31.998.454
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.935.086	3.381.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	13.386.457	10.427.588
4. Phải trả người lao động	314		2.144.330	2.133.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	15.964.833	15.210.854
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	189
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		69.213	93.879
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	31.637.837	27.448.946
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	130.985.467	119.727.675
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	1.414.474	1.124.372
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.718.689	1.212.825
12. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323		(198.578)	37.640
II. Nợ dài hạn	330		150.996.574	150.208.029
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	951	951
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		2.001	3.922
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	420.350	685.889
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.417.480	1.459.523
5. Phải trả dài hạn khác	337	21	56.295.063	53.079.031
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	72.799.936	75.459.869
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	33	12.903.357	13.404.703
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	3.970.713	2.578.576
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.186.723	3.535.565

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		479.493.587	461.797.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	479.128.204	461.391.461
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		281.500.000	281.500.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		15.761.185	15.680.589
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(357.254)	(357.254)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.723.525)	(3.653.856)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		95.617.498	70.888.951
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	419		79.840	79.693
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.328.175	24.422.527
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.181.153	28.401.710
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(4.129.983)	6.508.739
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.311.136	21.892.971
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		607.117	607.117
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45.134.015	43.821.984
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		365.383	406.220
1. Nguồn kinh phí	431		148.022	148.543
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		217.361	257.677
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		859.662.840	824.803.038


Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Người lập biểu

Đặng Minh Phong
Trưởng ban Tài chính Kế toán


Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	380.342.077	321.593.202
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	607.474	631.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	379.734.603	320.961.468
4. Giá vốn hàng bán	11	26	328.175.431	268.632.207
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	26	51.559.172	52.329.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	15.600.249	17.472.968
7. Chi phí tài chính	22	28	4.582.540	7.208.755
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.332.160	4.113.473
8. Phần (lỗ)/lãi thuần trong công ty liên doanh, liên kết	24		(980.191)	2.766.738
9. Chi phí bán hàng	25	29	5.053.405	5.187.143
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	10.528.487	9.216.322
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		46.014.798	50.956.747
12. Thu nhập khác	31	30	1.716.630	986.955
13. Chi phí khác	32	31	1.031.594	1.344.040
14. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		685.036	(357.085)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		46.699.834	50.599.662
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	13.688.568	12.812.907
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(618.949)	(852.324)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		33.630.215	38.639.079
<i>Phân phối cho:</i>				
Công ty mẹ Tập đoàn	61		30.727.643	36.759.619
Cổ đông không kiểm soát	62		2.902.572	1.879.460

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Người lập biểu



Đặng Minh Phong
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm 2020

001
CỘ
T
E
I
Ệ
/201

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.699.834	50.599.662
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	13.617.880	14.335.593
- Phân bổ chi phí thăm dò và phát triển dầu khí		12.937.854	12.718.099
- Các khoản dự phòng	03	2.231.526	491.817
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(381.793)	158.514
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(9.594.365)	(11.935.822)
- Chi phí lãi vay	06	3.332.160	4.113.473
- Phân bổ chi phí các dự án không thành công		5.088.834	-
- (Lãi) tiền đầu		(3.487.687)	(6.143.180)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	36.544	223.507
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	70.480.787	64.561.663
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.034.188)	(9.830.631)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.107.925	(1.898.353)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	19.682.407	34.135.936
Thay đổi chi phí trả trước	12	902.375	3.647.805
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(3.990.049)	(87.716)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.067.528)	(4.084.996)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.919.025)	(18.798.770)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.816.858	75.443
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.350.946)	(127.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.628.616	67.592.464
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.660.959)	(21.094.162)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	75.969	2.964.113
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(130.540.769)	(80.579.664)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	104.623.991	39.960.249
5. Thay đổi các khoản đầu tư		(7.545.397)	4.297.576
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.339.408	11.493.226
7. Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(5.358.842)	(6.741.542)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.066.599)	(49.700.204)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	128.750	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(49.006)	-
3. Tiền lãi đầu, khí nước chủ nhà, tiền đọc tài liệu để lại		853.141	6.169.116
4. Tiền thu từ đi vay	33	56.765.791	56.743.068
5. Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.821.340)	(72.268.393)
6. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(36.800)	(49.798)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.000.707)	(19.397.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.160.171)	(28.803.049)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.401.846	(10.910.789)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	63.963.637	74.874.426
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	67.365.483	63.963.637


Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Người lập biểu

Đặng Minh Phong
Trưởng ban Tài chính Kế toánLê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm 2020